

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
BUTYLGLYCOL

Sử dụng: hóa chất chế biến, (các) dung môi

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Chất lỏng dễ cháy: Cat.4

Kích ứng mắt: Cat.2A

Độc cấp tính: Cat.4 (tiếp xúc miệng)

Kích ứng da: Cat.2

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025



Cảnh báo:
 Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H227	Chất lỏng cháy được.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H315	Gây kích ứng da.
H302	Nguy hại khi nuốt phải.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt.
P280	Mang dụng cụ bảo vệ mắt.
P210	Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa hở/các bề mặt nóng. – Không hút thuốc.
P270	Không ăn, uống hay hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
P301+P312	KHI NUỐT PHẢI: Liên hệ với Trung Tâm Chết Độc hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P330	Súc miệng.
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế
P337+P313	Nếu kích ứng mắt kéo dài: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P370 + P378	Khi xảy ra cháy: Sử dụng bột foam chống nhóm chức rượu, CO2, bột hoá chất khô hoặc bụi nước để dập lửa.

Lưu ý khi bảo quản:

P403	Cất trữ ở nơi được thông thoáng tốt.
------	--------------------------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

2-butoxyethanol (Hàm lượng (W/W): > 99 %)
Số CAS: 111-76-2

Thành phần nguy hại

2-butoxyethanol

Hàm lượng (W/W): > 99 % - < 100 %	Flam. Liq.: Cat. 4
Số CAS: 111-76-2	Kích ứng mắt: Cat. 2A
	Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)
	Kích ứng da: Cat. 2

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Nếu bệnh nhân trở nên bất tỉnh, đặt và vận chuyển ở vị trí nghiêng ổn định (vị trí bình phục). Nếu không thở, hô hấp nhân tạo. Nhân viên sơ cứu phải lưu ý về sự an toàn của chính họ.

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Những mối nguy hiểm: Nguy hại hấp thụ trở lại trên da

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

bột khô, Phun nước, cacbon dioxide, bột chịu cồn

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Thông tin bổ sung:

Sử dụng phương pháp dập tắt thích hợp với khu vực xung quanh.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Những mối nguy hiểm cụ thể:

Chất lỏng dễ cháy Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập. Phương tiện bảo vệ cá nhân đặc biệt cho lính cứu hỏa

Thông tin bổ sung:

Những người không phận sự không được vào khu vực. Chữa cháy từ khoảng cách xa nhất có thể.

Thông tin bổ sung:

Mở rộng các biện pháp chữa cháy Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Sử dụng thiết bị chống tĩnh điện.

Cảnh báo môi trường:

Tránh thải vào môi trường.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Bơm hút sản phẩm.

Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu hấp thụ phù hợp (như cát, mặt cưa, chất rắn đa năng, đất tảo cát) Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

Việc thoát chất/sản phẩm có thể gây cháy hay nổ. Chặn hoặc khóa nguồn tràn đổ. Ngắt hay ngưng chất/sản phẩm được xả ra theo các điều kiện an toàn.

Đóng trong thùng kín khi thải bỏ.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Tránh tiếp xúc với không khí/ khí oxy (dạng peroxyt)

Phòng chống cháy nổ:

Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi mát mẻ, thông thoáng tốt

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Tính ổn định lưu trữ:

Nhiệt độ lưu trữ: $\leq 35\text{ }^{\circ}\text{C}$

Dữ liệu về tính ổn định đã cung cấp chỉ đúng khi sản phẩm được lưu chứa trong điều kiện môi trường các khí trơ không lẫn oxy hoặc bên trong thùng không có sự hiện diện của khí oxy.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

2-butoxyethanol, 111-76-2;

Giá trị TWA 20 ppm (ACGIHTLV)

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi $>65\text{ }^{\circ}\text{C}$, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Tránh hít phải hơi nước. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng
Màu sắc:	không màu
Mùi:	giống ête
Ngưỡng mùi:	không được xác định

Giá trị pH:

(20 $^{\circ}\text{C}$)
có thể pha trộn, trung tính

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025

Phiên bản: 13.0

Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

pKA:	15 (20 °C) Chất không phân tách.	(được tính toán)
Điểm nóng chảy:	-74.8 °C Dữ liệu tài liệu.	
Điểm sôi:	173.5 °C (1,013 hPa)	
Điểm chớp cháy:	67 °C	(DIN 51758, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	Chất lỏng cháy được.	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	1.1 %(V) Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	10.6 %(V) Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	232 °C	(DIN EN 14522)
Phân huỷ do nhiệt:	Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.	
Tự bắt cháy:	Nhiệt độ: 20 °C Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Không áp dụng, sản phẩm là chất lỏng	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.8 hPa (20 °C) Dữ liệu tài liệu.	(được đo lường)
	1.17 hPa (25 °C) Dữ liệu tài liệu.	(được đo lường)
Tỷ trọng:	0.9000 g/cm ³ (20 °C, 1,013 hPa)	(DIN 51757)
Tỷ trọng tương đối:	0.9000 (20 °C)	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Tỷ trọng hơi (không khí):	4.08 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được tính toán)
Tính tan trong nước:	Dữ liệu tài liệu. 900 g/l (20 °C)	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	0.81 (25 °C) Dữ liệu đề cập đến hình thức không phân tách của chất.	(được đo lường)
Hấp thụ/nước - đất:	KOC: 2.82; biểu đồ KOC: 0.45	(được tính toán)
Sức căng bề mặt:	65 mN/m (20 °C; 2 g/l)	(, khác)
Tính nhớt, động lực:	3.3 mPa.s (20 °C) Số liệu được xác định qua kết quả tính toán bởi máy đo độ nhớt động học	(được tính toán (từ độ nhớt động học).)
Tính nhớt, động học:	3.642 mm ² /s (20 °C)	(Nhớt kế mao dẫn)
Khối lượng mol:	118.18 g/mol	

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Không có cảnh báo đặc biệt nào hơn việc giữ gìn vệ sinh nhà xưởng chứa hoá chất.

Phân huỷ do nhiệt:

Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ
dẫn/ quy định.

Những chất cần tránh:

các tác nhân oxy hóa mạnh

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng với kim loại sáng và giải phóng khí hydro. Phản ứng với các tác nhân oxy hóa mạnh.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định. Khi đun nóng có thể tỏa ra hơi dễ cháy.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50 chuột lang (miệng): 1,200 mg/kg (theo Hướng dẫn OECD 401)

Độ độc cấp tính khi hít phải

LC0 chuột lang (bằng cách hít phải): > 2.25 mg/l 4 h (tương tự Hướng dẫn OECD 403)

Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận. Liên minh Châu Âu (EU) đã phân loại chất này là “độc hại” (độc cấp 3). Thí nghiệm hơi nước.

Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột lang (da): > 2,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)

Đường truyền khác về độ độc cấp tính

LD50 chuột (trong bụng): 1,174 mg/kg

Đánh giá độ độc cấp tính

Độc tính vừa phải sau 1 lần ăn vào. Việc hít vào một hỗn hợp hơi-khí có nồng độ cao/ bão hòa cho thấy không có khả năng nguy hại độc tính. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Tiếp xúc với mắt gây kích ứng. Tiếp xúc da gây kích ứng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thô: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: Gây kích ứng. (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: Không làm mẫn cảm. (OECD hướng dẫn 406)

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Chất không gây đột biến trên tế bào động vật có vú. Không có đột biến chất trong các cuộc nghiên cứu động vật có vú.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Hiện thị tác dụng có thể gây ung thư trong thí nghiệm động vật. Chỉ dẫn rõ ràng về nguy cơ gia tăng khả năng gây ung thư trên cơ thể người đã không còn thể hiện nữa. IARC Nhóm 3 (không thể phân loại như chất gây ung thư trên người).

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Trong các nghiên cứu trên động vật, chất không là nguyên nhân gây ra những dị tật.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Phá hủy các tế bào máu. Do phương thức hoạt động cụ thể của các loài, những tác động này không chắc chắn có thể xuất hiện trên người.

Nguy cơ khi hít vào

không áp dụng

Thông tin độc tính liên quan khác

Nguy hại hấp thụ trở lại trên da

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Dựa trên dữ liệu nghiên cứu độc tính (mạn tính) lâu dài, sản phẩm hầu như không gây hại cho sinh vật dưới nước Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 1,474 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (OECD - Hướng dẫn 203, tĩnh điện)

Nồng độ danh nghĩa. Dữ liệu tài liệu.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Loài không xương sống thủy sinh:
EC50 (48 h) 1,550 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tính điện)
Nồng độ danh nghĩa. Dữ liệu tài liệu.

Thực vật thủy sinh:
EC50 (72 h) 1,840 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201, tính điện)
Nồng độ danh nghĩa. Dữ liệu tài liệu.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:
Nồng độ độc giới hạn (16 h) > 700 mg/l, *Pseudomonas putida* (DIN 38412 Phần 8, tính điện)
Nồng độ danh nghĩa. Dữ liệu tài liệu.

Độc mãn tính cho loài cá:
Nồng độ tác động không quan sát được (21 d) > 100 mg/l, *Brachydanio rerio* (OECD-Hướng dẫn 204, bán tính)
Nồng độ danh nghĩa. Dữ liệu tài liệu. Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN).

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:
Nồng độ tác động không quan sát được (21 d), 100 mg/l, *Daphnia magna* (OECD Hướng dẫn 211, bán tính)
Nồng độ danh nghĩa. Dữ liệu tài liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:
Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.
Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H₂O):
Có thể nhanh chóng phân hủy (theo tiêu chuẩn OECD).

Thông tin bị đào thải:
90 % Sự hình thành CO₂ có liên quan đến chỉ số lý thuyết (28 d) (OECD 301B; ISO 9439; 92/69/EWG, C.4-C) (hiếu khí, bùn hoạt tính)

Đánh giá tính ổn định trong nước:
Chất dễ dàng phân hủy sinh học, vì vậy sự thủy phân không được dự kiến sẽ có liên quan.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân hủy sinh học:
Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

Khả năng tích lũy sinh học:
Không có sẵn các dữ liệu.

Những tác động bất lợi khác

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Halogen mạch vòng hữu cơ có khả năng hấp phụ (AOX):
 Sản phẩm này không có chứa halogen liên kết hữu cơ.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể, sau đó chúng có thể được chuyển đi tái sinh sau khi được làm sạch hoàn toàn.

Việc thải bỏ phải tuân thủ các quy định chính thức của địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Ô nhiễm hàng hải:	

Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Marine pollutant:	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
 Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	không Chưa có thông tin	Special precautions for user	no None known
Vận tải hàng không IATA/ICAO Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải Số UN hoặc số ID: Không áp dụng		Air transport IATA/ICAO Not classified as a dangerous good under transport regulations UN number or ID number: Not applicable UN proper shipping name: Not applicable	
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng	Transport hazard class(es):	Not applicable
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng	Packing group:	Not applicable
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Special precautions for user	None known
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin		

Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO**Maritime transport in bulk according to IMO instruments**

Quy định:	IBC-Code	Regulation:	IBC-Code
Tên sản phẩm:	Ethylene glycol monoalkyl ethers	Product name:	Ethylene glycol monoalkyl ethers
Loại ô nhiễm:	Y	Pollution category:	Y
Loại tàu:	3	Ship Type:	3

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất:

Lệnh Hóa Chất số 06/2007/QH12

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025
Sản phẩm: **BUTYLGLYCOL**

Phiên bản: 13.0

(30034845/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

- Sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;
- Nghị định 34/2024/nđ-cp ngày 31/03/2024 quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa tải
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;
- Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.